UBND TỈNH VĨNH LONG **BAN CHỈ HUY PCTT&TKCN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 02 /BC-PCTT&TKCN	*Vĩnh Long, ngày 18 tháng 01 năm 2023*

BÁO CÁO
Tổng kết công tác phòng chống thiên tai và TKCN năm 2022, triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2023

A. TỔNG KẾT CÔNG TÁC PCTT VÀ TKCN NĂM 2022

I. Tình hình khí tượng thủy văn

1. Khí tượng:

a) Bão và áp thấp nhiệt đới (ATNĐ): Năm 2022 có 01 ATNĐ và 07 cơn bão hoạt động trên khu vực Biển Đông (giảm 02 cơn bão, giảm 02 ATNĐ so với năm 2021), nhưng đều không ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Vĩnh Long.

b) Nhiệt độ:

Nhiệt độ trung bình (bình quân trong 10 tháng đầu năm) tại Vĩnh Long là 27,6°C, cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 0,3°C và thấp hơn so với trung bình nhiều năm (TBNN) cùng thời kỳ là 0,1°C.

Nhiệt độ cao nhất là 36,0°C (ngày 14/3 và ngày 27/4/2022). Nhiệt độ thấp nhất là 22,1°C (ngày 21 và 22/01/2022).

Từ đầu năm đến nay, nắng nóng xuất hiện 11 ngày (ít hơn 17 ngày so với năm 2021). Nắng nóng năm nay xuất hiện tập trung vào tháng 4, tháng 5 và tháng 7 (số ngày nắng lần lượt là 5 ngày, 3 ngày và 3 ngày).

c) Mưa:

Trên địa bàn tỉnh các tháng mùa khô xảy ra một số đợt mưa trái mùa. Tháng 1 hầu như nắng ráo, riêng Hựu Thành có lượng mưa 1,2 mm. Trong tháng 02 và 03 mưa trái mùa xuất hiện với lượng mưa 0,4 đến 140,6 mm.

Tổng lượng mưa trong 10 tháng đầu năm 2022 tại các nơi trong tỉnh đạt từ 1.605,4 đến 2.024,4 mm, hầu hết cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 từ 260 đến 800 mm.

Tổng lượng mưa trong 10 tháng đầu năm tại trạm Khí tượng Vĩnh Long là 1.605,4 mm, cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 261 mm và cao hơn so với TBNN cùng kỳ là 312 mm. Trong đó:

+ Mùa khô: Tổng lượng mưa là 430,4 mm, cao hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 237 mm và cao hơn TBNN cùng kỳ là 354 mm.

+ Mùa mưa: Tổng lượng mưa là 1.175,0 mm, cao hơn hơn so với cùng kỳ năm 2021 là 25 mm và thấp hơn TBNN cùng kỳ là 21 mm.

2. Thủy văn:

- Trong mùa khô, tháng 01 do ảnh hưởng của kỳ triều cường, mực nước trên các sông, rạch trên địa bàn tỉnh dao động theo chu kỳ triều ở mức trung bình. Mực nước cao nhất ngày 05/01/2022 trên sông Tiền tại trạm Mỹ Thuận đạt 1,79 m cao hơn cùng thời kỳ năm trước 0,06 m, xấp xỉ mức báo động III, thấp hơn so năm 2019 là 0,33 m. Mực nước thấp nhất xuất hiện vào ngày 23/03 là -1,45 m, thấp hơn so với cùng thời kỳ năm trước 0,02 m;

- Trong mùa lũ, ảnh hưởng của kỳ triều cường rằm tháng 9 Âm lịch, mực nước trên các sông, rạch trên địa bàn tỉnh lên nhanh, kết hợp lũ đầu nguồn với chu kỳ triều cường ở mức cao. Mực nước cao nhất ngày 12/10/2022 trên sông Tiền tại trạm Mỹ Thuận đạt 2,17m, cao hơn cùng thời kỳ năm trước 0,16m, cao hơn mức báo động III là 0,37m, cao hơn so với mức lịch sử năm 2019 là 0,05 m.

MỰC NƯỚC ĐẶC TRƯNG TẠI TRẠM CẦN THƠ VÀ TRẠM MỸ THUẬN					
Tên trạm	Mực nước (m)		Ngày xuất hiện	So với cùng kỳ năm 2021 (m)	So với đỉnh lũ năm 2019 (m)
Cần Thơ	Cao nhất	2,27	12/10/2022	Cao hơn 0,21 m	Cao hơn 0,02
	Thấp nhất	-1,04	28/03/2022	Cao hơn 0,18 m	Cao hơn 0,26
Mỹ Thuận	Cao nhất	2,17	12/10/2022	Cao hơn 0,16 m	Cao hơn 0,05
	Thấp nhất	-1,50	01/07/2022	Cao hơn 0,12 m	Cao hơn 0,12

MỰC NƯỚC ĐẶC TRƯNG CÁC TRẠM NỘI ĐỒNG TRONG TỈNH (m)						
TRẠM	**Ba Càng**	**Phú Đức**	**Nhà Đài**	**Vũng Liêm**	**Tích Thiện**	**Tân Thành**
Mực nước cao nhất	2,09	2,22	1,93	2,13	2,16	2,01
So cùng kỳ năm trước	+0,27	+0,32	-0,02	+0,07	+0,18	+0,15
Mực nước thấp nhất	-0,80	-0,80	-0,44	-0,90	-0,78	-0,42
So cùng kỳ năm trước	+0,40	+0,52	+0,05	+0,72	+0,64	+0,11

Ảnh hưởng của triều cường đã gây ngập một số nơi, nhất là vùng ven các sông lớn, vùng trũng, nhiều tuyến đường giao thông bộ bị tràn, ngập khiến giao thông và sinh hoạt của người dân gặp nhiều khó khăn.

3. Tình hình xâm nhập mặn:

- Mặn năm 2022 xâm nhập muộn hơn cùng kỳ 1 tháng, cùng với lượng trữ nước trong sông cao, đỉnh triều cường lên cao và chân triều xuống thấp, mặn xâm nhập xấp xỉ như năm 2021, cao hơn TBNN. Theo số liệu thu thập được, trong các ngày từ 27 ÷ 28/02/2022 và 15 ÷ 18/03/2022 ranh giới mặn 4,0 $^{o}/_{oo}$ đã vượt qua khỏi Vũng Liêm (Sông Cổ chiên, Xã Trung Thành Đông, Huyện Vũng Liêm, cách biển khoảng 50km).

Độ mặn cao nhất trong các kỳ triều cường tại Vũng Liêm: 5,0 $^{o}/_{oo}$, Nàng Âm: 4,9$^{o}/_{oo}$, Tích Thiện: 1,3 $^{o}/_{oo}$, Qưới An: 2,2 $^{o}/_{oo}$, Ngã Tư: 0,4 $^{o}/_{oo}$, Trà Ôn: 0,3 $^{o}/_{oo}$,Cái Muối: 0,1 $^{o}/_{oo}$, Đồng Phú: 0,1 $^{o}/_{oo}$.

Sau đó, độ mặn giảm mạnh trong các kỳ triều cường tiếp theo, độ mặn lớn nhất tại các nơi:0,7 $^{o}/_{oo}$ (Nàng Âm), các trạm khác từ 0,02 đến 0,03 $^{o}/_{oo}$ vào các ngày 12 ÷ 14/04/2022.

Hiện nay tại các nơi trong tỉnh không còn bị ảnh hưởng của xâm nhập mặn, không ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân.

II. Tình hình thiên tai năm 2022

1. Tình hình thiệt hại do thiên tai gây ra:

Trong năm 2022, các loại thiên tai xảy ra gây ảnh hưởng trực tiếp và làm thiệt hại trên địa tỉnh Vĩnh Long chủ yếu là dông lốc, mưa lớn, sạt lở bờ sông, triều cường.

- Tổng thiệt hại do thiên tai gây ra trong năm là **87.120,67** triệu đồng *(tăng 51.694,6 triệu đồng so với năm 2021).*

- Tổng kinh phí hỗ trợ, khắc phục năm 2022 là **17.116,19** triệu đồng.

Cụ thể như sau:

1.1. Thiệt hại do dông, lốc, mưa lớn gây ra:

a) Thiệt hại về người: Không có thiệt hại về người (giảm 02 người so với năm 2021);

b) Thiệt hại về nhà: Nhà sập, tốc mái là 126 căn nhà[1] (giảm 131 căn nhà so với năm 2021), ước thiệt hại: 2.183,04 triệu đồng (giảm 1.695,26 triệu đồng so với năm 2021), trong đó*:* huyện bị ảnh hưởng thiệt hại nhiều nhất là huyện Trà Ôn với 31 căn nhà bị thiệt hại (tốc mái 30 căn nhà, sập 01 căn nhà)*;*

c) Thiệt hại về Nông nghiệp: tổng diện tích thiệt hại là 4.209,61 ha (giảm 2.539,04 ha so năm 2021), ước thiệt hại là 36.785,43 triệu đồng (tăng 18.689,16 triệu đồng so năm 2021), gồm:

+ *Thiệt hại về lúa là* 4.116,75 ha[2], ước thiệt hại 9.413,26 triệu đồng;

---

[1]*Nhà sập, tốc mái: Thiệt hại hoàn toàn >70% là 33 căn, thiệt hại rất nặng (50÷70%) là 19 căn, thiệt hại nặng (30÷50%) là 39 căn, thiệt hại một phần <30% là 35 căn, thiệt hại nhà ở khác là 03 căn.*

[2]*Thiệt hại về Lúa: thiệt hại hoàn toàn >70% là 2.608,44 ha, thiệt hại rất nặng (50÷70%) là 1.508,3 ha.*

+ *Thiệt hại về hoa màu là* 11,85 ha[3], ước thiệt hại 268 triệu đồng;

+ *Thiệt hại* về c*ây ăn quả là* 81,01 ha[4], ước thiệt hại 27.104,17triệu đồng;

1.2. Thiệt hại do sạt lở:

1.2.1.Thiệt hại do sạt lở gây ra về công trình: Toàn tỉnh đã xảy ra 126 điểm sạt lở trong nội đồng và sông chính, làm mất 4.468,5m đất (*giảm 17 điểm và giảm 694,5m so năm 2021*) bờ sông, kênh, rạch và các công trình đê bao, đường giao thông nông thôn, sạt lở đã làm thiệt hại 12 căn nhà (11 căn nhà tường cấp 4 và 01 căn nhà gỗ); 01 nhà kho; 01 xe cuốc (đang thi công công trình đê bao); thất thoát khoảng 500 kg cá tai tượng thương phẩm và 02 ao nuôi cá chốt (0.65 ha) và có 135 hộ bị ảnh hưởng trực tiếp[5]; Ước thiệt hại về công trình là 41.543,25 triệu đồng.

1.2.2.Thiệt hại do sạt lở gây ra về nuôi trồng thủy sản: sạt lở đã làm thất thoát 02 ao cá chốt trong diện tích 1,38 ha và thất thoát khoảng 500 kg cá tai tượng thương phẩm, ước thiệt hại 137,5 triệu đồng.

1.3. Thiệt hại do hạn hán, xâm nhập mặn: Không xảy ra thiệt hại.

1.4. Thiệt hại do triều cường:

Năm 2022, triều cường đạt mức kỷ lục mới (*tại trạm Mỹ Thuận: 2,17m trên mức BĐIII 0,37m*), vượt đỉnh triều cường lịch sử năm 2019 (*trạm Mỹ Thuận: 2,12m*), đã gây ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của nhân dân, nhất là các khu vực đô thị. Tổng ước thiệt hại do triều cường là 7.055,4 triệu đồng (tăng 6.256.35 triệu đồng so với năm 2021, thấp hơn 13.614 triệu đồng so với năm 2019), cụ thể:

- Triều cường dâng cao đã gây ngập: 375,97 ha lúa, 186,45 ha hoa màu, 286,3 ha vườn cây ăn trái, 02 ao nuôi ba ba, 25 ao nuôi cá, 5.454 nền nhà, 10 trường học, 9 chợ và 26 trụ sở cơ quan;

- Tràn: 47.027m bờ bao, 23 đập (dài 287 m), 60,3 km đường giao thông bộ;

- Sạt lở: 24 đoạn bờ bao (dài 964 m), 142 m đoạn đường tỉnh lộ, đường huyện, đường xã, 15 đập (dài 147 m).

2. Công tác hỗ trợ khắc phục:

2.1. Công tác khắc phục: Sau khi có thiên tai xảy ra, Chính quyền cùng đoàn thể địa phương đã thực hiện tốt phương châm "Bốn tại chỗ" huy động lực lượng tổ chức khắc phục các vị trí sạt lở nguy hiểm, hỗ trợ người dân dọn dẹp cây bị ngã đổ, nhà cửa bị hư hỏng và di dời tài sản đến nơi an toàn; thực hiện thống kê thiệt hại để

---

[3]*Thiệt hại về hoa màu: thiệt hại hoàn toàn >70% là 9,45 ha, thiệt hại rất nặng (50÷70%) là 2,40 ha.*

[4]*Thiệt hại về cây ăn quả tập trung: thiệt hại hoàn toàn >70% là 36,56 ha, thiệt hại rất nặng (50÷70%) là 12,95 ha, thiệt hại nặng (30÷50%) là 24,85 ha, thiệt hại một phần <30% là 6,65 ha.*

[5]*Sạt lở: Thành phố Vĩnh Long: sạt lở 03 điểm, dài 41 m; huyện Long Hồ: sạt lở 09 điểm, dài 562m, ảnh hưởng 26 hộ dân; huyện Mang Thít: sạt lở 03 điểm, dài 145m, ảnh hưởng 01hộ dân;Thị xã Bình Minh: sạt lở 05 điểm, dài 116 m, ảnh hưởng 09 hộ dân; huyện Bình Tân: sạt lở 10 điểm, dài 653m, ảnh hưởng 7 hộ dân; huyện Tam Bình: sạt lở 10 điểm, dài 348 m, ảnh hưởng 28 hộ dân; huyện Trà Ôn: sạt lở 78 điểm, dài 2.357,5 m, ảnh hưởng 57 hộ dân; huyện Vũng Liêm: sạt lở 08 điểm, dài 246 m, ảnh hưởng 7 hộ dân.*

hỗ trợ người dân ổn định cuộc sống, sản xuất.

2.2. Công tác hỗ trợ:

Bên cạnh việc khắc phục thiệt hại sau thiên tai, Chính quyền, đoàn thể các cấp trong tỉnh, các mạnh thường quân trong, ngoài tỉnh cùng chung tay thực hiện hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại. Chính quyền cấp xã đã phối hợp với phòng Lao động Thương binh và Xã hội, Phòng kinh tế, Phòng nông nghiệp và PTNT huyện khẩn trương thực hiện thủ tục hỗ trợ về nhà ở, cây trồng, khắc phục sạt lở ..., cho các hộ dân bị thiệt hại theo quy định Nhà nước hiện hành.

Tổng số tiền đã hỗ trợ khắc phục là 17.116,19 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn lúa giống do Trung ương cấp là 2.770,932 triệu đồng (do bị thiệt hại của năm 2021 chuyển sang năm 2022 hỗ trợ);

- Nguồn ngân sách địa phương là 2.615,773 triệu đồng (trong đó: 1.808,843 triệu đồng hỗ trợ thiệt hại của năm 2021 chuyển sang);

- Nguồn Quỹ phòng chống thiên tai là 8.250,466 triệu đồng;

- Nguồn xã hội hóa là 13,520 triệu đồng;

- Nguồn sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi là 3.468,500 triệu đồng.

(Chi tiết xem phụ lục 1,2,5)

III. Kết quả công tác PCTT và TKCN năm 2022

1. Công tác chỉ đạo, điều hành về PCTT&TKCN trên địa bàn tỉnh

Công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh luôn được sự quan tâm chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, UBND. Để chủ động phòng ngừa và kịp thời ứng phó với các loại hình thiên tai xảy ra, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTT và các văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.[6]

Bên cạnh đó, nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ đạo của cấp trên, Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh cũng đã kịp thời ban hành văn

---

[6] *Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 04/5/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn công trình thủy lợi, công trình đê điều trong mùa mưa, lũ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 06/7/2022 của UBND tỉnh về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 của UBND tỉnh Về việc ban hành Kế hoạch Phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn bảo vệ sản xuất và dân sinh trong mùa khô năm 2021-2022 tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn năm 2022 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 05/01/2022 của UBND tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 1899/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Ban hành kế hoạch ứng phó với lũ, triều cường bảo vệ sản xuất, dân sinh vùng lũ năm 2022 trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.*

bản để thực hiện các biện pháp phòng, chống, ứng phó với thiên tai nhằm giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

Công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện các giải pháp phòng, chống, ứng phó, khắc phục thiên tai năm 2022 của các cấp, các ngành đã mang lại hiệu quả tích cực, cụ thể:

- UBND các cấp, các sở, ban, ngành, các hội, đoàn thể, cộng đồng tích cực tham gia công tác phòng, chống thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn, lốc xoáy, sạt lở bờ sông với nhiều hình thức, sớm ổn định đời sống, sản xuất của nhân dân;

- Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tổng kết công tác PCTT và TKCN năm 2021, qua đó đã đánh giá, rút kinh nghiệm trong công tác phòng, chống, ứng phó với thiên tai, từ đó đề ra kế hoạch và triển khai công tác phòng, chống thiên tai năm 2022 đến các xã, phường, thị trấn thực hiện; Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện, cấp xã để chỉ đạo, điều hành, thực hiện công tác phòng, chống, ứng phó khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn;

- Các địa phương, sở, ngành đã xây dựng phương án PCTT và TKCN cho từng loại hình thiên tai, củng cố lực lượng chuẩn bị ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, giông lốc, triều cường... Chủ động triển khai công tác ứng phó, huy động nhân lực, vật tư, phương tiện, hậu cần của địa phương, đơn vị ứng phó với thiên tai;

- Tham mưu UBND tỉnh, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo kịp thời trong công tác phòng, chống thiên tai trong tỉnh[7]. Công tác phối hợp giữa các cơ quan Trung ương và địa phương, giữa các ngành với nhau và ngành với cấp huyện chặt chẽ, cung cấp và chia sẻ thông tin về diễn biến khí tượng - thủy văn, hạn, mặn chuyển tải đến các cơ quan, đơn vị, địa phương nhanh chóng, hỗ trợ tốt cho công tác dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai;

- Làm tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương và các ngành tỉnh thực hiện công tác khắc phục hậu quả và hỗ trợ các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt, nhất là công tác hỗ trợ thiệt hại, di dời nhà, tài sản, người do sạt lở, giông, lốc gây ra;

- Công tác chủ động khảo sát, đánh giá tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, dông lốc, sạt lở bờ sông,... đã giúp cho công tác tham mưu của Văn phòng thường

---

[7] *Công văn số 05/PCTT&TKCN ngày 14/02/2022 về việc chủ động thực hiện các biện pháp phòng, chống ứng phó xâm nhập mặn, thiếu nước trong kỳ triều cường rằm tháng giêng âm lịch; Công văn số 09/PCTT&TKCN ngày 11/3/2022 về việc ứng phó sự cố thiên tai và TKCN trên địa bàn tỉnh; Công văn số 16/PCTT&TKCN ngày 30/3/2022 về việc chủ động ứng phó với thiên tai, thời tiết cực đoan trên địa bàn tỉnh; Công văn số 20/PCTT&TKCN ngày 25/4/2022 về việc tăng cường triển khai giải pháp phòng tránh đuối nước trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 02/QĐ-PCTT&TKCN ngày 13/5/2022 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh về việc Ban hành Kế hoạch tổ chức Tuần lễ Quốc gia Phòng, chống thiên tai năm 2022 (15-22/5/2022) trên địa bàn tỉn; Công văn số 34/PCTT&TKCN ngày 06/7/2022 của Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh về việc triển khai thực hiện Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh...*

trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có định hướng tốt trong chỉ đạo, điều hành;

- Chủ động tăng cường thông tin, tuyên truyền, cảnh báo kịp thời bằng các hình thức trên phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, tự giác trong cộng đồng dân cư để chủ động, tránh chủ quan, lơ là trong phòng, chống, ứng phó thiên tai xâm nhập mặn, dông, bão...

- Đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi để phòng, chống thiên tai, bảo vệ sản xuất và dân sinh; các đê bao kết hợp giao thông nông thôn đã góp phần hạn chế ảnh hưởng và thiệt hại do mưa lớn và triều cường.

2. Về công tác phòng ngừa

2.1. Công tác kiện toàn, nâng cao năng lực Ban Chỉ huy, Văn phòng thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp

Nhằm hoàn thành nhiệm vụ và đáp ứng tốt hơn trong công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, hàng năm Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh rà soát, củng cố kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN để đáp ứng phục vụ tốt công tác chỉ đạo, chỉ huy, điều hành thực hiện nhiệm vụ PCTT và TKCN. Hiện tại, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh có 39 thành viên, cấp huyện có khoảng 200 thành viên và tất cả các thành viên đều được phân công nhiệm vụ, phụ trách địa bàn cụ thể nhằm kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc chỉ đạo, điều hành ở mỗi cấp, mỗi ngành đảm bảo triển khai các phương án ứng phó hiệu quả trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

2.2. Công tác phê duyệt, triển khai kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai; hoạt động của Quỹ PCTT

a) Phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai:

Ngay từ đầu năm, Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã xây dựng Kế hoạch PCTT và TKCN trình UBND tỉnh phê duyệt ban hành và đã được triển đến các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh. Từng sở, ngành, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ trọng tâm được phân công trong Kế hoạch, triển khai đến cán bộ, công chức, viên chức, người dân trong cơ quan, đơn vị, địa phương hiểu và nắm rõ nội dung của Kế hoạch để thực hiện trong công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai.

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch PCTT tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 404/QĐ-UBND ngày 07/3/2022).

b) *Về hoạt động của Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh:*

Triển khai thực hiện Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01/8/2021 của Chính phủ, thường trực Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và TKCN tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành quyết định kiện toàn Quỹ PCTT tỉnh Vĩnh Long thay thế

Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 09/10/2020 của UBND tỉnh về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long; Đồng thời UBND tỉnh cũng đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng quản lý Quỹ PCTT[8], Quyết định bổ nhiệm Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Quỹ PCTT, Quyết định bổ nhiệm Trưởng ban kiểm soát Quỹ PCTT, Quyết định ban hành Quy định quản lý và sử dụng Quỹ PCTT. Hiện nay, Quỹ PCTT tỉnh Vĩnh Long đang hoạt động với tổ chức bộ máy nêu trên theo mô hình Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Công tác thu - chi Quỹ phòng, chống thiên tai trong năm được thực đảm bảo theo quy định, cụ thể như sau:

- Kế hoạch thu Quỹ PCTT trên địa bàn tỉnh năm 2022 là 10.497,67 triệu đồng, đến thời điểm ngày 26/12/2022 toàn tỉnh đã thu được **8.931,42** triệu đồng, đạt 84,91% so kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ năm ngoái 5.798,86 triệu đồng (*gồm: Lao động khác là 2.552,34 triệu đồng đạt* 106,87 % so KH*; CB-CC-VC là 1.112,09 triệu đồng* đạt 114,87 % so KH*; các tổ chức kinh tế là 5.248,98 triệu đồng* đạt 73,50 % so KH); đơn vị thu đạt cao là Cục Thuế tỉnh và các Sở, ban, ngành, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, riêng huyện Vũng Liêm không có số liệu thu đối với các tổ chức kinh tế.

- Công tác thu - chi Quỹ tính đến thời điểm ngày 14/12/2022, cụ thể như sau:

1. Tồn Quỹ năm 2021 chuyển sang: **3.607,66** triệu đồng.

2. Chỉ tiêu thu Quỹ năm 2022: **10.497,67** triệu đồng.

3. Tổng số tiền thực tế thu Quỹ năm 2022 theo chỉ tiêu giao: **8.931,42** triệu đồng, đạt 84,91 %.

4. Tổng chi Quỹ PCTT (đã được chấp thuận của UBND tỉnh): **11.056,28** triệu đồng.

5. Số tiền ước tồn Quỹ PCTT năm 2022: **1.418,44** triệu đồng.

2.3. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức và kỹ năng ứng phó của các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng về phòng, chống thiên tai

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các địa phương tổ chức truyền thông, tuyên truyền nâng cao nhận thức, hiểu biết của người dân đối với công tác phòng, chống thiên tai với 124.195 người tham dự; chuyển tải nội dung dự báo, cảnh báo tình hình khí tượng thủy văn, thiên tai qua tin nhắn SMS đến 1.792 đầu số; phát trên sóng phát thanh và sóng truyền hình các tin,

---

[8] *Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh Thành lập Hội đồng Quản lý Quỹ PCTT tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 13/5/2022 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long; Quyết định 1136/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 và Quyết định 1399/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 về việc phê duyệt miễn, giảm, tạm hoãn cho đối tượng là các tổ chức kinh tế và giao chỉ tiêu thu Quỹ PCTT đợt 1, đợt 2/2022 trên địa bàn tỉnh.*

bài, đồng thời duy trì bản tin dự báo thời tiết với thời lượng từ 6-8 phút mỗi ngày, chạy chữ tin các bản tin trưa và tối cảnh báo mưa, giông, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn…;

- Phối hợp mở các lớp tập huấn "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng"với 397 người tham dự; tổ chức dạy bơi cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở trên địa bàn tỉnh với 960 em tham gia; tổ chức cuộc thi trực tuyến "Tìm hiểu kiến thức về phòng, chống thiên tai và biến đổi khí hậu năm 2022" với 3.172 thí sinh tham gia (trao 01 giải nhất, 03 giải nhì, 03 giải ba và 07 giải khuyến khích);

- Hiện nay, toàn tỉnh có 100% cán bộ trực tiếp làm công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ về phòng, chống thiên tai;

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã ký kết Chương trình phối hợp về công tác phòng, chống thiên tai giai đoạn 2022-2025 với Hội Người cao tuổi và Hội Chữ thập đỏ tỉnh Vĩnh Long, nhằm nâng cao nhận thức, năng lực về phòng chống thiên tai cho người cao tuổi, hội viên Hội Người cao tuổi các cấp và hội viên Hội Chữ thập đỏ, Đội ứng phó thiên tai, thảm họa các cấp, tạo điều kiện để người cao tuổi, hội viên Hội Chữ thập đỏ các cấp phát huy vai trò, chủ động tham gia vào các hoạt động quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, góp phần xây dựng cộng đồng an toàn trước thiên tai;

- Hưởng ứng Tuần lễ Quốc gia PCTT năm 2022 (từ ngày 15÷22/5/2022), các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thị xã, thành phố đã xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện Tuần lễ Quốc gia PCTT năm 2022 và triển khai các hoạt động hưởng ứng như treo 03 pano, 32 băng ron, khẩu hiệu, 300 tờ phướn; đăng tải trên 116 màn hình led để tuyên truyền, cổ động trực quan; Đài phát thanh, truyền hình, báo viết, trang thông tin điện tử đã phát sóng, đăng tải 31 tin, 13 bài viết với những nội dung kiến thức về phòng, chống, ứng phó, giảm nhẹ rủi ro thiên tai. Tổ chức lắp đặt mới 05 pano và sửa chữa 05 pano tuyên truyền về phòng, chống thiên tai tại các xã thuộc huyện Trà Ôn, Vũng Liêm, Long Hồ, Mang Thít;

- Trong năm 2022 đã tham mưu UBND tỉnh quyết định công bố 06 khu vực sạt lở nguy hiểm trên địa bàn tỉnh[9].

2.4. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 về công tác phòng chống thiên tai; Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai

a) Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018:

Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công

---

[9] *Thị xã Bình Minh 02 khu vực sạt lở nguy hiểm; TP. Vĩnh Long 01 khu vực sạt lở nguy hiểm; Huyện Bình Tân 01 khu vực sạt lở nguy hiểm; Huyện Vũng Liêm 01 khu vực sạt lở nguy hiểm; Huyện Long Hồ 01 khu vực sạt lở nguy hiểm;*

tác phòng, chống thiên tai, các Sở, ngành, địa phương theo nhiệm vụ được giao, đã triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

- Hàng năm, các cấp, các ngành đã thực hiện kiện toàn Ban Chỉ huy PCTT và TKCN của cơ quan, đơn vị và địa phương mình và phân công nhiệm vụ, phụ trách địa bàn để chỉ đạo phòng, chống, ứng phó khi có thiên tai xảy ra (cấp tỉnh 39 thành viên, cấp huyện có khoảng 200 thành viên);

- Các địa phương, các ngành căn cứ chức năng nhiệm vụ của đơn vị đã tổ chức thực hiện tốt công tác tuyên truyền, truyền thông về phòng, chống, ứng phó thiên tai với nhiều hình thức thiết thực, sinh động, hiệu quả (như đã nêu ở mục 2.3);

b) Kết quả triển khai thực hiện Chỉ thị số 42/CT-TW ngày 24/03/2020:

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 29/06/2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh và Công văn số 3867/UBND-KTNV ngày 11/8/2020 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, trên cơ sở đó các sở, ban, ngành và các địa phương đã tổ chức thực hiện như sau:

- Tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực cho đội ngũ lãnh đạo, cán bộ, đảng viên các cấp, nhất là cơ sở có trách nhiệm thông tin, hướng dẫn kỹ năng nhận biết và cách thức ứng phó thiên tai cho cộng đồng, đặc biệt là các đối tượng dễ bị tổn thương. Năm 2022, đã tổ chức tập huấn về "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng" với 397 người tham dự;

- Có 107/107 xã, phường, thị trấn thành lập Đội xung kích PCTT cấp xã, với tổng cộng 9.355 thành viên;

- UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch PCTT và TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025;

- Thực hiện dự án đầu tư hoàn chỉnh trạm quan trắc khí tượng thủy văn nội đồng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2.5. Tình hình thực hiện phương châm "Bốn tại chỗ"; tiêu chí an toàn về PCTT trong xây dựng nông thôn mới;hiệu quả hoạt động của Đội xung kích PCTT cấp xã

2.5.1. Tình hình thực hiện phương châm "Bốn tại chỗ":

Theo Kế hoạch, Phương án phòng chống thiên tai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, khi có tình huống thiên tai xảy ra sẽ thực hiện việc huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm theo phương châm "Bốn tại chỗ". Cụ thể:

- Lực lượng huy động phòng, chống, ứng phó khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn tỉnh: 11.386 người. Trong đó: lực lượng Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp, các ngành: 579 người; lực lượng Quân sự: 3.038 người; lực lượng Công an: 1.345

người, các lực lượng khác (Hội Chữ thập đỏ, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Doanh nghiệp…: 4.202 người;

- Phương tiện, trang thiết bị: 8.762 phương tiện, trang thiết bị các loại. Trong đó: Ca nô/xuồng các loại: 31 chiếc; Áo phao/phao cứu sinh/phao bè cứu sinh: 7.208 cái; Phương tiện vận tải (ô tô các loại): 29 chiếc; Nhà bạt các loại: 163 bộ; trang thiết bị khác: 505 cái;

- Vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm: Vật tư, lương thực, nhu yếu phẩm được dự trữ tại các doanh nghiệp, các cơ sở kinh doanh tại địa phương,… Gạo: 3.354 tấn; Mì tôm: 213 thùng; Nước uống đóng chai: 167.276 thùng; Viên lọc nước: 6.264 viên. Riêng mặt hàng xăng, dầu được dự trữ và cung ứng theo hệ thống cửa hàng, đại lý bán lẻ xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

2.5.2. Tiêu chí an toàn về PCTT trong xây dựng nông thôn mới (tiêu chí 3.2):

Năm 2022, có 06 xã đạt nông thôn mới (03 xã đạt NTM, 03 xã đạt NTM nâng cao) nâng tổng số xã toàn tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới là 69/87 xã. Hiện nay, đối với các xã đã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới đều cơ bản đáp ứng tiêu chí 3.2 "Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ" của tiêu chí Thủy lợi. Cụ thể: đã thành lập Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, có phân công cụ thể trách nhiệm của từng thành viên và được kiện toàn hàng năm; Nguồn lực đáp ứng yêu cầu trong công tác phòng chống thiên tai tại địa phương: có 100% cán bộ xã tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn, nâng cao năng lực, trình độ, đặc biệt là Đội xung kích PCTT cấp xã; Kế hoạch phòng chống thiên tai được xây dựng, phê duyệt và rà soát, cập nhật, bổ sung hàng năm; Có cơ sở hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu phòng chống thiên tai, trong đó nội dung phòng, chống thiên tai được lồng ghép vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội,...

2.5.3. Củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của Đội xung kích PCTT cấp xã:

Hiện nay, toàn tỉnh có 107/107 xã, phường, thị trấn đã thành lập Đội xung kích PCTT cấp xã với 9.355 thành viên (*Mang Thít: 1.152 người, TP. Vĩnh Long: 1.048 người, Trà Ôn: 1.385 người, Long Hồ: 1.409 người, Vũng Liêm: 1.401 người, Tam Bình: 1.313 người, TX. Bình Minh: 679 người, Bình Tân: 950 người*), trong đó có 107 đội trưởng và 277 đội phó. Đội xung kích PCTT cấp xã là lực lượng nòng cốt trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Khi có thiên tai xảy ra, lực lượng này được huy động kịp thời, nhanh chóng có mặt ngay từ giờ đầu để hỗ trợ cứu hộ, cứu nạn, di dời dân đến nơi an toàn, dọn dẹp cây cối, nhà cửa bị gãy, sập, hư hỏng…

2.6 Tổ chức đào tạo, tập huấn, diễn tập phương án ứng phó với thiên tai ở các cấp

- Công tác tập huấn: Trong năm, các đơn vị, địa phương đã tổ chức tập huấn được 38 lớp với 2.725 lượt người tham dự[10].

- Công tác diễn tập PCTT và TKCN:

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TU, ngày 21/3/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Long về việc tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Long Hồ và diễn tập phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn huyện Mang Thít năm 2022;

Huyện Mang Thít đã phối hợp tốt với các Sở, Ban, ngành tỉnh và địa phương tổ chức thành công diễn tập PCTT&TKCN năm 2022 (trong đó có lồng ghép diễn tập PCTT&TKCN xã Tân An Hội). Kết quả đợt diễn tập đã được đánh giá hoàn thành Kế hoạch đề ra và được UBND tỉnh tặng bằng khen cho 03 tập thể, 03 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác diễn tập PCTT&TKCN huyện Mang Thít năm 2022.

3. Về ứng phó:

3.1. Kết quả công tác dự báo, cảnh báo thiên tai so với diễn biến thiên tai thực tế tại địa phương

Hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn hiện có của tỉnh gồm: 09 trạm đo mưa (*06 trạm đo tự động và 03 trạm đo thủ công*); 07 trạm đo mực nước (*02 trạm đo tự động và 05 trạm đo thủ công*); 06 trạm đo độ mặn và 01 trạm đo tự động các yếu tố nhiệt độ, độ ẩm, gió... do Đài Khí tượng thủy văn Vĩnh Long quản lý.

Thực hiện dự án đầu tư hoàn chỉnh trạm quan trắc khí tượng thủy văn nội đồng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025. Hiện nay, đã hoàn thành lập thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (TKBVTC-DT), đang tổ chức thẩm tra để trình thẩm định, phê duyệt TKBVTC-DT và hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư để triển khai thực hiện đầu tư trong năm 2023.

Công tác dự báo, cảnh báo thiên tai của Đài KTTV tỉnh Vĩnh Long, Đài KTTV khu vực Nam bộ, Viện Khoa học Thủy lợi miền Nam...về các loại hình thiên tai như bão, áp thấp nhiệt đới, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường...khá chính xác, đúng thời điểm đã góp phần quan trọng trong công tác phòng ngừa, ứng phó với thiên tai.

3.2. Công tác thông tin, truyền tải các bản tin cảnh báo, dự báođến các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng để chủ động phòng tránh, đặc biệt là hiện trạng tiếp nhận thông tin thiên tai của cơ sở, cộng đồng

Công tác thông tin, truyền tải các bản tin cảnh báo, dự báo đến các cấp chính quyền, người dân, cộng đồng được Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện rất nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả thông qua

---

[10] *Huyện Long Hồ: 03 lớp với 180 lượt người tham dự; Huyện Mang Thít: 04 lớp với 179 lượt người tham dự; Huyện Trà Ôn: 01 lớp với 65 lượt người tham dự; Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh: 04 lớp với 397 lượt người tham dự; Công an tỉnh: 21 lớp với 1.799 lượt người tham dự.*

hệ thống tin nhắn SMS với 1.792 đầu số, công văn, công điện, điện thoại, trang Web *phongchongthientaivinhlong.com.vn*vàtrang Facebook *Thông tin phòng chống thiên tai tỉnh Vĩnh Long* của Văn phòng thường trực BCH PCTT&TKCN tỉnh; ngoài ra, các phương tiện thông tin đại chúng như đài phát thanh, truyền hình, báo chí, hệ thống loa truyền thanh của tỉnh, huyện, xã, ấp, khóm cũng đã kịp thời truyền tải các thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai đến tận người dân.

4. Kết quả triển khai hoạt động khắc phục hậu quả, phục hồi tái thiết sau thiên tai

Sau khi có thiên tai xảy ra, các ngành, các cấp, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh phối hợp, hướng dẫn, đôn đốc Ban Chỉ huy PCTT và TKCN cấp huyện tổ chức huy động mọi nguồn lực để khắc phục hậu quả thiên tai, thăm hỏi, động viên các gia đình bị thiệt hại, ảnh hưởng, giúp sửa chữa lại nhà cửa, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh; thống kê, tổng hợp thiệt hại, hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, khôi phục cơ sở hạ tầng, sản xuất để giúp người dân ổn định đời sống.

Trong năm 2022, tổng kinh phí hỗ trợ khắc phục thiên tai trên địa bàn tỉnh là **17.116,19** triệu đồng (gồm: từ nguồn Quỹ PCTT là 8.250,466 triệu đồng, từ Trung ương là 2.770,932 triệu đồng, từ nguồn Ngân sách địa phương là 2.615,773 triệu đồng, từ nguồn kinh phí sử dụng dịch vụ sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi là 3.465,5 triệu đồng, từ nguồn xã hội hóa là 13,520 triệu đồng).

IV. Đánh giá về công tác PCTT và TKCN năm 2022

1. Kết quả đạt được

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các giải pháp phòng, chống, ứng phó, khắc phục thiên tai năm 2022 luôn được sự quan tâm sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và chung sức đóng góp của các ngành, các địa phương và nhân dân đã mang lại hiệu quả tích cực, từ đó đã hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra;

- Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo kịp thời trong công tác phòng, chống, ứng phó thiên tai trên địa bàn tỉnh;

- Thông tin về diễn biến thời tiết, khí tượng - thủy văn, tình hình thiên tai hạn hán, xâm nhập mặn, giông lốc... được cập nhật và truyền tải đến các cơ quan, đơn vị, địa phương nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ tốt cho công tác ứng phó với thiên tai;

- Chủ động thông tin, tuyên truyền, cảnh báo kịp thời bằng nhiều hình thức, trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm, tính tự giác trong cộng đồng dân cư để chủ động phòng, tránh, ứng phó, tránh tư tưởng chủ quan, lơ là trong phòng, chống, ứng phó thiên tai, xâm nhập mặn, bão, lũ, triều cường...;

- Khai thác tốt trang Web Phòng, chống thiên tai, trang Facebook và hệ thống tin nhắn SMS cấp tỉnh, cấp huyện với 1.792 đầu số, qua đó đã kịp thời chuyển tải thông

tin, cảnh báo sớm tình hình thiên tai đến Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các cấp để chủ động chỉ đạo trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh;

- Làm tốt công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc các địa phương và các ngành tỉnh thực hiện công tác khắc phục hậu quả và hỗ trợ, hướng dẫn các huyện, thị xã, thành phố thực hiện tốt;

- Công tác chủ động khảo sát, đánh giá tình hình hạn hán, xâm nhập mặn, giông lốc, triều cường, sạt lở bờ sông,... đã giúp Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tham mưu tốt với Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh để định hướng tốt trong việc chỉ đạo, điều hành;

- Các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tổng kết công tác PCTT&TKCN năm 2021, qua đó đã nhận xét, đánh giá những ưu điểm, kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế, từ đó đề ra nhiệm vụ và triển khai công tác phòng chống thiên tai năm 2022 đến các xã, phường, thị trấn thực hiện;

- Các địa phương đã thực hiện tốt phương châm "bốn tại chỗ", kịp thời huy động lực lượng, phương tiện, vật tư hỗ trợ người dân phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh kết quả đạt được, công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số tồn tại như:

- Việc duy trì chế độ thông tin, báo cáo của một số ngành, địa phương thực hiện chưa đảm bảo, chậm thời gian và nội dung còn chung chung vì vậy ảnh hưởng đến công tác chỉ đạo của tỉnh;

- Công tác thu Quỹ phòng, chống thiên tai đối các tổ chức kinh tế tại một số địa phương chưa đạt chỉ tiêu được giao;

- Công tác thống kê, lập hồ sơ hỗ trợ thiệt hại do thiên tai gây ra của một số địa phương còn chậm, do đó chưa kịp thời hỗ trợ người dân sớm ổn định cuộc sống và khôi phục sản xuất;

- Tỉnh thiếu nhân lực, kinh phí khi thực hiện Đề án 553 "Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng". Cán bộ làm công tác tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, kỹ năng về thiên tai chủ yếu là kiêm nhiệm, lực lượng không ổn định, kinh phí thực hiện Đề án rất hạn chế.

- Sạt lở bờ sông, kênh, rạch xảy ra nhiều trên địa bàn tỉnh (mỗi năm xảy ra hàng trăm điểm/tuyến sạt lở), tuy nhiên, do thiếu kinh phí nên số điểm/tuyến được xử lý khắc phục rất ít (khoảng vài chục điểm/tuyến).

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2023

Để chủ động phòng, chống, ứng phó kịp thời, hiệu quả, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kinh tế, xã hội của tỉnh năm

2023, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Vĩnh Long xây dựng kế hoạch công tác PCTT và TKCN năm 2023 với những nhiệm vụ và giải pháp như sau:

I. Nhiệm vụ trọng tâm:

1. Tiếp tục triển khai thực hiện: Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 về công tác PCTT, Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 về phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều; Quyết định số 379/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 về phê duyệt chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Thường xuyên cập nhật, bổ sung, hoàn thiện các kế hoạch, phương án phòng, chống, ứng phó với thiên tai. Trình UBND tỉnh ban hành Chỉ thị về tăng cường công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh.

3. Kiện toàn Ban chỉ huy PCTT và TKCN các cấp theo quy định của Luật Phòng, chống thiên tai và Đội xung kích PCTT cấp xã.

4. Rà soát kiểm tra các trang thiết bị, bổ sung các phương tiện cần thiết đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn. Đôn đốc thực hiện, đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm phục vụ phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai nhằm góp phần bảo vệ dân cư và ổn định sản xuất kinh doanh.

5. Phối hợp với Đài KTTV tỉnh nâng cao chất lượng thông tin, dự báo, cảnh báo thời tiết, thiên tai; đồng thời nâng cao năng lực ứng phó, xử lý khi xảy ra thiên tai.

6. Tiếp tục thực hiện Đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng năm 2023 trên địa bàn tỉnh (theo Quyết định số 553/QĐ-TTg ngày 6/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủ ro thiên tai dựa vào cộng đồng, đến năm 2030" và Quyết định số 2404/QĐ-UBND ngày 10/9/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long Về việc ban hành Kế hoạch "Nâng cao nhận thức cộng đồng và Quản lý rủ ro thiên tai dựa vào cộng đồng đến năm 2030"),trong đó tập trung tuyên truyền, phổ biến kiến thức phòng, chống, ứng phó với thiên tai ở các khu vực xung yếu, đông dân cư gắn với thực hiện tiêu chí 3.2 *"Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng, chống thiên tai tại chỗ"*.

7. Tiếp tục triển khai thu Quỹ Phòng chống thiên tai đạt chỉ tiêu của năm 2023. Kết toán công tác thu-chi Quỹ PCTT năm 2022 để chuyển số dư vào Quỹ PCTT năm 2023.

8. Huy động mọi nguồn lực tài chính cho công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Thực hiện xã hội hóa, phát huy tốt phương châm "Nhà

nước và nhân dân cùng làm", tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

9. Tổ chức diễn tập phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp huyện trên địa bàn huyện Trà Ôn năm 2023 nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, ứng phó khi có tình huống xảy ra.

10. Tổ chức trực ban nghiêm túc, đúng quy chế 12/24 giờ, 24/24 giờ để theo dõi, tổ chức thông báo, cảnh báo và tham mưu kịp thời các biện pháp phòng, chống, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai, tai nạn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

II. Nhiệm vụ cụ thể:

1. Rà soát, xây dựng, cập nhật, bổ sung, phê duyệt kế hoạch PCTT; phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai

Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xây dựng Kế hoạch PCTT và TKCN năm 2023 và tổ chức thực hiện Kế hoạch PCTT&TKCN tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021-2025 tại các cấp, các ngành và địa phương trong tỉnh. Rà soát, cập nhật dữ liệu từ các sở, ngành, địa phương để chuẩn bị cho việc điều chỉnh bổ sung Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 12/9/2016 Ban hành Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

2. Đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất, xây dựng số hóa cơ sở dữ liệu, công cụ hỗ trợ nâng cao năng lực Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy cấp tỉnh, huyện, xã

- Rà soát đầu tư các trang thiết bị số hóa cần thiết cho Văn phòng thường trực cấp tỉnh, cấp huyện;

- Cập nhật và lưu trữ file số liệu tổng kết công tác phòng chống thiên tai các năm; số liệu độ mặn, mực nước, lượng mưa và các số liệu thiệt hại do thiên tai gây ra trong tháng, năm, các năm… ;

- Khai thác, vận hành tốt trang Web: *phongchongthientaivinhlong.com.vn;* hệ thống tin nhắn SMS phòng chống thiên tai trên địa bàn tỉnh, cấp huyện, cấp xã; các trang Zalo, Facebook. Tổ chức thực hiện, hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư để triển khai thực hiện Dự án đầu tư hoàn chỉnh trạm quan trắc khí tượng thủy văn nội đồng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long trong năm 2023.

3. Kiện toàn, tăng cường hoạt động Đội xung kích PCTT tại địa phương để chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

Rà soát, kiện toàn Đội xung kích phòng chống thiên tai cấp xã theo hướng dẫn tại Quyết định số 08/QĐ-TWPCTT ngày 27/3/2020 của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng chống thiên tai.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 09/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, củng cố và nâng cao năng lực cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã và Công văn số 4478/UBND-KTNV ngày 11/8/2021 về việc củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực cho Đội xung kích phòng chống thiên

tai cấp xã, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh phối hợp với Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Sở Tài chính, UBMTTQ Việt Nam tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố tổ chức tập huấn, huấn luyện, đầu tư các trang thiết bị thiết yếu cho Đội xung kích PCTT cấp xã nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của lực lượng này trong công tác phòng, chống, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Triển khai Chỉ thị 42/CT-TW ngày 24/3/2020 của Ban bí thư và Nghị quyết 76/NQ-CP về công tác Phòng chống thiên tai

Tiếp tục quán triệt, triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 29/6/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai trên địa bàn tỉnh; Công văn số 3867/UBND-KTNV ngày 11/8/2020 của UBND tỉnh Về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư.

Tổ chức tốt việc thực hiện Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 20/8/2018 của UBND tỉnh về việc thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai các tại các Sở, ngành, địa phương theo nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch.

5. Kế hoạch thu, chi Quỹ PCTT

Triển khai lập bộ thu Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2023, tổng hợp xây dựng kế hoạch thu Quỹ trình UBND tỉnh phê duyệt và giao chỉ tiêu thu cho các đơn vị tham gia thực hiện công tác thu Quỹ Phòng chống thiên tai trên địa bàn.

Tổ chức thực hiện công tác quản lý, sử dụng, quyết toán Quỹ Phòng, chống thiên tai tỉnh đúng quy định.

6. Tăng cường hoạt động thông tin, truyền thông, hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa,ứng phó với các loại hình thiên tai phổ biến

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN các sở, ban, ngành, các cấp (tỉnh, huyện, xã) phối hợp với UBND, cơ quan chuyên môn tổ chức các hoạt động thông tin, truyền thông, tuyên truyền hướng dẫn kỹ năng phòng ngừa, ứng phó với các loại hình thiên tai phổ biến bằng nhiều hình thức như tổ chức các cuộc thi, hội thi về kiến thức, kỹ năng trong hoạt động phòng ngừa, ứng phó thiên tai, thảm họa; tuyên truyền trực quan trên các pano, băng ron, khẩu hiệu,tờ phướn, tờ rơi, màn hình led,…

7. Tổ chức đánh giá công tác PCTT trên địa bàn tỉnh theo Bộ chỉ số đánh giá công tác PCTT

Thường trực Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh căn cứ vào Bộ Chỉ số đánh giá công tác PCTT cấp tỉnh do Ban Chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai xây dựng để đánh giá công tác PCTT trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết công tác phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn năm 2022, triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm 2023 của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp&PTNT (để b/c);
- Ủy ban Quốc Gia UPSCTT&TKCN (để b/c);
- Tổng cục PCTT (để b/c);
- Chi cục PCTT Miền Nam (để b/c);
- Trưởng, Phó BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- VP.TU; VP.HĐND; VP.UBND tỉnh;
- BCH PCTT&TKCN các huyện, TX, TP;
- Các thành viên BCH PCTT&TKCN tỉnh;
- Lưu: VT, QLTL&PCTT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BAN CHỈ HUY PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN
TỈNH VĨNH LONG

Trương Thành Dãnh
GIÁM ĐỐC SỞ NN & PTNT

Phụ lục I

BẢNG TỔNG HỢP THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH LONG NĂM 2022

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	TP. Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	Huyện Mang Thít	TX. Bình Minh	Huyện Bình Tân	Huyện Tam Bình	Huyện Trà Ôn	Huyện Vũng Liêm	Thiệt hại	Ước thiệt hại (Tr. đồng)	Khắc phục thiệt hại (Tr. đồng)	Ghi chú
	Tổng số											**87,120.67**	**17,116.19**	
A	**LỐC, MƯA LỚN, GIÓ MẠNH, SÉT**											**38,968.47**	**10,537.24**	
I	**Thiệt hại về người:**										**0**		-	Hỗ trợ 17.116,19 tr gồm:
1.1	**Số người chết:**	**người**		-	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**		**0**	- Nguồn TW (lúa giống):2.770,932 tr;
	Trẻ em	người									0			- Nguồn NSĐP: 2.615,773 tr;
	Nữ giới	người									0			"- Nguồn Quỹ PCTT: 8.250,466 tr;
	Người khuyết tật	người									0			"- Nguồn XHH: 13,520 tr;
	Đối tượng khác	người									0			"- Nguồn dịch vụ công ích TL: 3.465,500tr.
1.2	**Số người mất tích:**	**người**												
	Trẻ em	người												
	Nữ giới	người												
	Người khuyết tật	người												
	Đối tượng khác	người												
1.3	**Số người bị thương:**	**người**		-				**0**					-	
	Trẻ em	người									0			
	Nữ giới	người									0			
	Nam giới	người									0			
	Người khuyết tật	người									0			
	Đối tượng khác	người									0			
1.4	**Số hộ bị ảnh hưởng**	hộ												
1.5	**Số người bị ảnh hưởng**	**người**												
II	**Thiệt hại về nhà ở:**	**căn**	**10**	**14**	**9**	**11**	**14**	**27**	**31**	**10**	**126**	**2,183.04**	**872.11**	
2.1	**Thiệt hại hoàn toàn (>70%)**		**3**	**2**	**0**	**3**	**4**	**11**	**9**	**1**	**33**	**881.00**	-	
	Nhà kiên cố	cái									0			
	Nhà bán kiên cố	cái					1	2			3	50.00		
	Nhà thiếu kiên cố	cái	3	1		2	3	6	8	1	24	621.00		
	Nhà đơn sơ	cái		1		1		3	1		6	210.00		
2.2	**Thiệt hại rất nặng (từ 50%-70%)**		**0**	**5**	**4**	**1**	**0**	**1**	**0**	**8**	**19**	**410.00**	**872.11**	
	Nhà kiên cố	cái									0			
	Nhà bán kiên cố	cái		3	0			1	0	6	10	200.00	120	
	Nhà thiếu kiên cố	cái		2	4	1				2	9	210.00	6	
	Nhà đơn sơ	cái									0		746.11	
2.3	**Thiệt hại nặng (từ 30%-50%)**		**3**	**4**	**0**	**5**	**10**	**9**	**7**	**1**	**39**	**559.00**	**0**	
	Nhà kiên cố	cái									0			
	Nhà bán kiên cố	cái	3			4	10	6	6		29	413.00		
	Nhà thiếu kiên cố	cái		4		1		3	1	1	10	146.00		
	Nhà đơn sơ	cái									0			
2.4	**Thiệt hại 1 phần (< 30%)**		**4**	**3**	**5**	**2**	**0**	**6**	**15**	**0**	**35**	**239.00**	**0**	
	Nhà kiên cố	cái			1						1	6.00		
	Nhà bán kiên cố	cái	4	3		1		4	6		18	105.00		
	Nhà thiếu kiên cố	cái			4	1		2	9		16	128.00		
	Nhà đơn sơ	cái									0			
2.5	**Các thiệt hại về nhà ở khác**	Tr. đồng	**1**		**1**	**1**					**3**	**94.04**		
III	**Thiệt hại về nông nghiệp:**	Tr.đồng									**4.209.61**	**36,785.43**	**9,665.13**	
1	**Diện tích lúa:**	ha	0.00	1,835.92	217.31	0.00	0.00	0.00	72.02	1,991.50	**4,116.75**	**9,413.26**		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha		1,098.03	172.64				68.27	1,269.50	2,608.44	7,139.26		
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha		737.89	44.67				3.75	722.00	1,508.3	2,274.00	2,770.93	
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									0.00			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha									0.00		1,808.84	
2	**Diện tích mạ:**	ha											5085.356	

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	TP. Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	Huyện Mang Thít	TX. Bình Minh	Huyện Bình Tân	Huyện Tam Bình	Huyện Trà Ôn	Huyện Vũng Liêm	Thiệt hại	Ước thiệt hại (Tr. đồng)	Khắc phục thiệt hại (Tr. đồng)	Ghi chú
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha									0.00			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha									0.00			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									0.00			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha									0.00			
3	**Diện tích hoa màu, rau màu:**	ha	0.0	11.60	0.00	0.0	0.0	0.0	0.25	-	**11.85**	**268.00**		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha		9.20					0.25		9.45	238.00		
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha		2.40							2.40	30.00		
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha									-			
4	**Diện tích cây ăn quả tập trung:**	ha	0.0	-	0.01	0.1	0.0	0.0	37.4	43.52	**81.01**	**27,104.17**		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha			0.01	0.1			17.43	19.02	36.56	10,561.41		
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha							0.80	12.15	12.95	636.60		
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha							19.15	5.70	24.85	15,899.36		
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha								6.65	6.65	6.80		
5	**Diện tích cây lâu năm:**	ha	0.0	-	0.0	0.0	0.0	0.00	-	0.0	-	-		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha									-			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha									-			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha												
6	Cây giống bị hư hỏng	ha												
7	Hạt giống bị hư hỏng	tấn												
8	Lương thực bị hư hỏng	tấn												
9	Các thiệt hại về nông nghiệp khác	Tr.đồng									-			
IV	**Thiệt hại về công nghiệp**	**Tr.đồng**									-	**0.00**		
1	**Cột điện bị đổ, gãy**	cái												
	Trung và cao thế	cái									-			
	Hạ thế	cái												
	Trụ đèn chiếu sáng	cái												
B	**SẠT LỞ**											**41,680.75**	**6,578.95**	
I	**Thiệt hại về công trình (bao gồm cả công trình sạt lở do triều cường)**	**Tr.đồng**	**20.50**	**35,309.90**	**356.50**	**703.40**	**942.50**	**148.00**	**3,682.95**	**379.50**		**41,543.25**	**6,578.95**	
	Số điểm bị sạt lở	điểm	3	9	3	5	10	10	78	8	**126**			
	Chiều dài	m	41.00	562.00	145.00	116.0	653.00	348.00	2,357.50	246.00	**4,468.50**		694.5	
	Số hộ dân bị ảnh hưởng	hộ		26	1	9	7	28.00	57	7	**135**		2,419.00	
	Tiền hỗ trợ di dời	Tr.đồng	670.93			23.52							694.45	
	Tiền hỗ trợ khắc phục	Tr.đồng							2,771.00				2,771.00	
	Trong đó: Bờ bao sạt lở do triều cường	Tr.đồng	20.5	130.00	-	21.90	167.50	9.00	90.00	145.00		583.90		
		điểm	3	2	0	3	3	2	4	7				
		m	41.00	70.0	-	73.0	335.0	70.0	180.0	206.0				
II	**Thiệt hại về thủy sản**	**Tr.đồng**										**137.50**	**0**	
1	**Diện tích nuôi cá mặt nước lớn**	**ha**	**0.00**	**1.38**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**0.00**	**1.38**			
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha		1.38							1.38	137.50		Sạt lở ao cá 0.15ha mặt nước ở ấp An Thuận,xã An Bình,thất thoát 500kg cá tai tượng thịt
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha									-			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha									-			
C	**TRIỀU CƯỜNG**	Tr.đồng	**67.0**	**550.4**	**982.2**	**1,416.9**	**281.5**	**3,277.8**	**217.4**	**145.0**		**7,055.4**	-	
I	**Thiệt hại về nông nghiệp:**	Tr.đồng	0.0	295.3	982.2	1,380.0	0.0	2,746.8	6.9	0.0	**861.62**	**5,411.2**	-	
1	**Diện tích lúa:**	ha	-	35.00	49.48	64.69	-	226.80	-	0	375.97	***3,860.25***		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha			39.9			11.80			51.74			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha									-			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha			9.54						9.54			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha		35.00		64.69		215.00			314.69			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng		131.250	982.2			2,746.8				3,860.25		
2	**Diện tích mạ:**	ha	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0		0		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha												

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	TP. Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	Huyện Mang Thít	TX. Bình Minh	Huyện Bình Tân	Huyện Tam Bình	Huyện Trà Ôn	Huyện Vũng Liêm	Thiệt hại	Ước thiệt hại (Tr. đồng)	Khắc phục thiệt hại (Tr. đồng)	Ghi chú
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha												
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha												
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha												
	Ước thiệt hại	Tr.đồng												
3	**Cây màu:**	ha	16.5	9.0	-	9.1	150.20	0.0	1.65	0.0	186.45	***1,391.90***		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha				9.10					9.10			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha							0.45		0.45			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha	16.5	9.0			150.2		1.2		176.90			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng		5		1,380.00			6.9			1,391.90		
4	**Diện tích cây ăn quả tập trung**	**ha**	82.0	6.2	0.0	19.0	169.2	0.0	9.3	0.0	285.70	**159.00**		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha		0.7							0.70			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha									-			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha	82.00	5.5		19.00	169.2		9.30		285.00			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng		159.0								159.00		
5	**Diện tích cây trồng lâu năm**	**ha**	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	-	**-**		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha									-			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha									-			
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha									-			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng										-		
6	Cây giống bị hư hỏng	ha									-			
7	Hạt giống hư hỏng	tấn									-			
8	Cây trồng khác	ha	13.5								13.50			
II	**Thiệt hại về chăn nuôi:**	Tr.đồng									**0.00**	**0.00**		
1	**Gia súc bị chết, cuốn trôi:**	con	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
	Heo	con									0			
	Bò	con												
	Trâu	con												
	Gia súc khác	con												
2	**Gia cầm bị chết, cuốn trôi:**	con	0	0	0	0	0	0	0	0	0.00	0		
	Gà	con									0.00			
	Vịt	con												
	Gia cầm khác	con									0			
3	Chuồng trại bị hư hỏng	cái												
4	Chuồng ngập	chuồng									0.00			
5	Nước cấp chăn nuôi bị thiếu hụt	m3												
6	Thức ăn chăn nuôi bị cuốn trôi, hư hỏng	tấn												
7	Các thiệt hại về chăn nuôi khác	Tr.đồng												
III	**Thiệt hại về thủy sản:**		*25*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	*0*	***25.10***	**142.30**		
1	**Diện tích nuôi cá truyền thống:**		0	0	0	0	0	0	0	0	**0.10**	**70.00**		
	+ Diện tích nuôi ao hồ nhỏ:	ha	0.0	0.1	-	-	0.00	0.0	0.00	0.0	0.10	-		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha		0.10										
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha												
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha									-			
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha									-			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng		70.0								70.00		

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	TP. Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	Huyện Mang Thít	TX. Bình Minh	Huyện Bình Tân	Huyện Tam Bình	Huyện Trà Ôn	Huyện Vũng Liêm	Thiệt hại	Ước thiệt hại (Tr. đồng)	Khắc phục thiệt hại (Tr. đồng)	Ghi chú
	+ DT nuôi cá-lúa, nuôi hồ mặt	ha	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0			
	nước lớn:													
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha												
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha												
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha												
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha												
	Ước thiệt hại	Tr.đồng										0		
2	**DT nuôi các da trơn:**	ha	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	ha												
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	ha												
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	ha												
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	ha												
	Ước thiệt hại	Tr.đồng										0		
3	**Lồng bè nuôi thủy sản các loại:**	m3/lồng	25	0	0	0	0	0	0	0	25	72.3		
	Thiệt hại hoàn toàn (>70%)	"	25.0								25.0			
	Thiệt hại rất nặng từ (50%-70%)	"												
	Thiệt hại nặng từ (30%-50%)	"												
	Thiệt hại 1 phần (< 30%)	"												
	Ước thiệt hại	Tr.đồng	72.3									72.3		
IV	**Thiệt hại về nước sạch và vệ sinh môi trường:**	Tr.đồng										0		
1	- Diện tích vùng dân cư thiếu nước do bị ô nhiễm	ha												
2	- Số hộ thiếu nước sạch sử dụng do bị ô nhiễm	hộ												
3	- Công trình cấp nước bị hư hỏng	CT												
V	**Thiệt hại về thủy lợi:**	Tr.đồng	20.50	180.00	-	36.90	217.50	531.00	210.50	145.00		1,341.40		
1	**Đê bao:**										-	1,105.90	-	
	- Bờ bao bị tràn	bờ									-			
		m	2,341.0	2,003.0		1,500.00	30,846.0	7,687	2,550.0	100.00	47,027.00			
		tr.đồng						522.00				522.00		
	- Bờ bao sạt lở, nứt, vỡ	bờ	3.0	2.0		3	3.0	2.0	4	7.0	24			
		m	41.00	70.0		73.00	335.0	70.00	180.00	206.0	975.00			
		tr.đồng	20.5	130.00		21.9	167.5	9.00	90.00	145.00		583.90		
2	**Kè:**													
	+ Chiều dài bị sạt lở, hư hỏng	km												
	+ Khối lượng đất	m3												
	+ Khối lượng đá, bê tông	m3												
3	**Cống, bọng:**													
	+ Cống, bọng bị hư hỏng	cái									-			
	+ Bọng bị trôi	cái									-			
	+ Cống bị trôi	cái									-			
	+ Cống bị tràn	cái									-			Dài 12m (TB: 12m, TỔ dài 40m)
	+ Nắp bọng bị hư hỏng, mất	cái									-			
4	**Đập:**		0	50.00	0	15	50	-	121	0	38.00	235.50	-	
	+ Đập bị tràn	cái		1			20.0		2.0		23			
		m		50.0			217.0		20.0		287.00			
		Tr.đồng							20.0			20.00		
	+ Đập bị sạt lở, hư hỏng	cái				1	7.0		3.0		11.00			
		m				30.00	20.0		57.0		107.00			

TT	Nội dung chỉ tiêu	ĐVT	TP. Vĩnh Long	Huyện Long Hồ	Huyện Mang Thít	TX. Bình Minh	Huyện Bình Tân	Huyện Tam Bình	Huyện Trà Ôn	Huyện Vũng Liêm	Thiệt hại	Ước thiệt hại (Tr. đồng)	Khắc phục thiệt hại (Tr. đồng)	Ghi chú
		Tr.đồng				15.00	50.0		63.0			128.00		
	+ Đập bị vỡ:											-		
	. Số đập bị vỡ	cái		3.0					1.0		4			
	. Chiều dài vỡ:	m		30.0					10.0		40.00			
		Tr.đồng		50.0					37.5			87.50		
VI	**Thiệt hại về giao thông:**	Tr.đồng	**21.5**	**75**	**0**	**0**	**64**	**0**	**0**	**0**		***160.50***		
1	**Đường giao thông TW (quốc lộ)**	Tr.đồng	0	0	0	0	0	0	0	0		0		
	+ Chiều dài sạt lở, hư hỏng	km									-			
	+ Chiều dài bị ngập	km	1.5	1.2							2.70			
	+ Khối lượng đất	m3									-			
	+ KL đá, bê tông, nhựa đường	m3									-			
	+ Cầu bị hư hỏng	cái									-			
	+ Cống bị hư hỏng	cái									-			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng										0		
2	**Đường giao thông địa phương (đường tỉnh, huyện, xã)**	Tr.đồng	21.5	75.00	0	0	64	-	0	0		**160.50**		
	+ Chiều dài sạt lở, hư hỏng	m	132.0	5.00			5.0				142.00			
	+ Chiều dài bị ngập	km	31.09	9.07		6.60	7.8	1.5			56.07			
	+ Khối lượng đất	m3									-			
	+ KL đá, bê tông, nhựa đường	m3									-			
	+ Cầu bị hư hỏng	cái									-			
	+ Cống bị hư hỏng	cái									-			
	Ước thiệt hại	Tr.đồng	21.5	75.00			64.0					160.50		
VII	**Thiệt hại về nhà ở:**										**5,454.00**	**0**		
1	**Nhà bị ngập:**	căn									**5,454.00**			
	+ Bị ngập dưới 1m	căn	4,763.0				649.0	42.0			5,454.00			
	+ Bị ngập nước (1-3)m	căn									-			
2	**Nhà phải di dời khẩn cấp**	căn									-			
VIII	**Thiệt hại về giáo dục:**	**Tr.đồng**										**0**		
1	**Phòng học bị ngập nước:**	cái												
	+ Bị ngập dưới 1m	cái									0			
	+ Bị ngập nước (1-3)m	cái												
2	**Số điểm/trường bị ngập**	điểm	9.0				1.0				10			
3	**Các thiệt hại về giáo dục khác**	Tr.đồng												
IX	**Thiệt hại về Y tế:**	Tr.đồng										0		
1	**Cơ sở y tế (bệnh viện, trung tâm y tế, trạm y tế) bị ngập:**	cái												
	+ Bị ngập dưới 1m	cái									0			
	+ Bị ngập nước (1-3)m	cái												
2	**Các thiệt hại về y tế khác**	Tr.đồng												
X	**Thiệt hại về các công trình khác:**											0		
1	Trụ sở cơ quan bị ngập	cái	25.0	1.0							26			
2	Chợ, trung tâm thương mại bị ngập	cái	7.0	1.0			1.0				9			
XI	**Các thiệt hại khác**	**Tr.đồng**										-		

Người lập bảng

Võ Duy Minh

hụ lục 2:

BẢNG TỔNG HỢP TÌNH HÌNH SẠT LỞ NĂM 2022 TỈNH VĨNH LONG

TT	Các huyện, thị, thành phố	Thời gian xảy ra	Phạm vi sạt lở			Số hộ dân bị ảnh hưởng (hộ)	Kinh phí (Tr. đồng)		Nguồn vốn khắc phục	Ghi chú
			Chiều dài sạt lở (m)	Chiều rộng sạt lở (m)	Chiều sâu sạt lở (m)		Ước thiệt hại	Khắc phục		
	Tổng cộng (126 điểm)		**4,468.50**			**135.00**	**41,543.25**	**3,465.45**		
I	**Huyện Bình Tân (10 điểm)**		**653.00**			**7**	**942.50**	**-**		
1	Sạt lở bờ kênh Hai Quý thuộc ấp Hòa An, xã Nguyễn Văn Thành	3/20/2022	70.00	2.0			175.00			
2	Sạt lở bờ kênh Hai Quý thuộc tổ 26, ấp Thành Phú, xã Thành Lợi	3/25/2022	120.00	2.5		4	300.00			
3	Sạt lở bờ kênh Hai Quý thuộc ấp Thành Nghĩa, xã Thành Lợi	4/24/2022	48.00	3.0		3	120.00			
4	Sạt lở bờ bao sông Mỹ Thuận thuộc ấp Mỹ Thạnh A, xã Mỹ Thuận	09/07/2022	25.0	2.0	3.0		62.50			
5	Sạt lở bờ bao sông Trà Mơn thuộc khóm Thành Công, thị trấn Tân Quới	13/09/2022	30.00	2.0	3.0		75.00			
6	Sạt lở bờ bao sông Trà Mơn thuộc khóm Tân Vinh, thị trấn Tân Quới	13/09/2022	15.00	2.0	2.0		37.50			
7	Sạt lở 03 đoạn trên tuyến đê bao Sông Hậu, thị trấn Tân Quới	10/10/2022	335.0				167.50			sạt lở do triều cường
8	Sạt lở bờ bao kênh Bờ Dòng - Mười Thới (sông Bà Duyên) khóm Tân Thuận, thị trấn Tân Quới	04/11/2022	10.0	2.0	2.0		5.0			
II	**Thị xã Bình Minh (05 điểm)**		**116.00**			**9.00**	**703.40**	**23.52**		
1	Sạt lở tuyến sông Tắc Từ Tải thuộc tổ 26, khóm 4, phường Cái Vồn	3/10/2022	25.00	10-15		7	636.50	23.52	Nguồn ngân sách của TX. Bình Minh 21tr và xã hội hóa 2,52tr.	Trong đó: thiệt hại về nhà: 20tr; Bờ kè: 500tr; Cát: 54tr; bờ bao: 62,5tr
2	Sạt lở tuyến sông Mỹ Thuận thuộc ấp Thuận Tiến An, xã Thuận An (đoạn từ nhà ông Trần Văn Rồi đến nhà bà Trần Thị Phúc)	4/26/2022	18.00	4-5		2	45.00			Sạt lở do xà lan chở cát neo đậu
3	Sạt lở Kênh giữa đồng ấp Đông Hưng 3, xã Đông Thành	T10/2022	3.0				0.9			sạt lở do triều cường
4	Sạt lở bờ bao năm trên tuyến đường Trâu 2 ấp Thuận Tân B, xã Thuận An	T10/2022	40.0				12.0			
5	Sạt lở bờ bao tuyến sông Tầm Giuộc Nhỏ ấp Thuận Thới xã Thuận An	T10/2022	30.0				9.0			
III	**Huyện Long Hồ (09 điểm)**		**562.00**			**26**	**35,309.90**	**670.9**		
1	Sạt lở sông Long Hồ, ấp Long Thuận B, xã Long Phước	02/6/2022	12.00				20.40			
2	Sạt lở sông Long Hồ, ấp Sơn Đông, xã Thành Đức Đại	02/6/2022	20.00				50.00			
3	Sạt lở ao nuôi cá giống ven sông Cổ Chiên, ấp An Thuận, xã An Bình	09/9/2022	40.00		20.0	1	50.00			
4	Sạt lở ao nuôi cá tai tượng ven sông Cổ Chiên, ấp An Thuận, xã An Bình	12/9/2022	10.00			1	17.50			
5	Sạt lở ao nuôi cá chốt giống ven sông Cổ Chiên, ấp An Long, xã An Bình	0'3/10/2022	50.00		25.0	1	85.00			
6	Sạt lở ao nuôi cá chốt giống ven sông Cổ Chiên, ấp An Long, xã An Bình	05/10/2022	10.00		5.0	1	17.00			
7	Sạt lơ tuyến đê bao Sáu Sỏi - Hai tình ấp An Thành xã An Bình	10/10/2022	50.00			\	25.00			sạt lở do triều cường
8	Bê bờ bao vườn hộ dân ấp Phước Định 2, xã Bình Hòa Phước	10/10/2022	20.00				105.00			

9	Sạt lở tuyến sông Cổ Chiên thuộc tổ 9, tổ 10 ấp Bình Thuận 1 xã Hòa Ninh	05/12/2022	350.0	160.0		22.0	34,940.0	670.9	Ngân sách địa phương và mạnh thường quân	12 căn nhà (trong đó có 11 căn nhà tường cấp 4 và 01 căn nhà gỗ); 01 nhà kho; 01 xe cuốc bị chìm xuống sông + mất trắng 02 ao nuôi cá chốt (0.65ha)
IV	**Huyện Trà Ôn (78 điểm)**		**2,357.50**			**57**	**3,683.0**	**2,771.0**		
1	Sạt lở tuyến kênh Mới xã Vĩnh xuân (hộ Đặng Thị Lan)	T1/2022	20.00			1	34.00			
2	Sạt lở tuyến kênh Mới xã Vĩnh xuân (hộ Nguyễn văn Nghiệm)	T1/2022	25.00			1	42.50			
3	Sạt lở tuyến kênh Mới xã Vĩnh xuân (hộ Nguyễn văn Nhiều)	T1/2022	15.00			1	25.50			
4	Sạt lở tuyến kênh Tân Dinh xã Vĩnh xuân (hộ Trần Văn Thiên)	T1/2022	15.00			1	25.50	450.0	Nguồn sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	
5	Sạt lở tuyến kênh Trà Sơn xã Trà Côn (hộ Nguyễn Văn Bùi)	T1/2022	96.00			1	163.20			
6	Sạt lở bờ bao đất Tư Ơn tuyến kênh Xẻo Xa, xã Trà Côn	T1/2022	15.00				25.50			
7	Sạt lở bờ bao đất Thạch On tuyến kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn	T1/2022	20.00				34.00			
8	Sạt lở tuyến kênh Tân Dinh, xã Tích Thiện (đoạn Chín Chinh)	T3/2022	15.00				37.50	1,831		
9	Sạt lở tuyến Sông Hậu, xã Tích Thiện (đoạn Phan Văn Si)	T3/2022	55.00				137.50			
10	Sạt lở tuyến Sông Hậu, xã Tích Thiện (đoạn từ VLXD Bé Hai đến Kênh Trạm Bơm)	T3/2022	65.00				162.50			
11	Sạt lở tuyến Kênh Mới, xã Hòa Bình (Cống Ngầm Hiệp Hòa)	T3/2022	50.00				125.00			
12	Sạt lở tuyến Kênh Mới, xã Hòa Bình (Bé Năm ấp Hiệp Hòa)	T3/2022	25.00				62.50			
13	Sạt lở bờ sông Măng Thít tại tổ 18, khu 5, thị trấn Trà Ôn (hộ ông Dương Vạn Phúc)	05/6/2022	22.50	8		1	56.25			
14	Sạt lở tuyến Kênh Tân Dinh, xã Tích Thiện (Đoạn Đoàn Văn Hớn)	T5/2022	15.00			1	37.50			
15	Sạt lở tuyến Kênh Mới, xã Vĩnh Xuân (Đoạn Nguyễn Hoàng Khang)	T5/2022	20.00			1	50.00			
16	Sạt lở tuyến Kênh Mới, xã Vĩnh Xuân (Đoạn Nguyễn Văn Thảo)	T5/2022	10.00			1	25.00			
17	Sạt lở tuyến Kênh La Gì, xã Vĩnh Xuân (Đoạn Nguyễn Trung Dân)	T5/2022	20.00			1	50.00			
18	Sạt lở tuyến Kênh Xáng Xéo, xã Lục Sỹ Thành (Đoạn La Văn Quân-Đặng Văn Út)	T6/2022	60.00			2	150.00			
19	Sạt lở tuyến Kênh Xáng Xéo, xã Lục Sỹ Thành (Đoạn Nguyễn Văn Điểu)	T6/2022	29.00			1	72.50			
20	Sạt lở tuyến Kênh Xáng Xéo, xã Lục Sỹ Thành (Đoạn Nguyễn Văn Bé)	T6/2022	25.00			1	62.50			
21	Sạt lở tuyến Kênh Trà Ngoa, xã Thới Hòa (Đoạn Sáu No)	T6/2022	45.00			1	112.50			
22	Sạt lở tuyến Kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn (Vàm Trà Côn đối diện Chợ Vàm)	T6/2022	50.00				125.00			
23	Sạt lở tuyến Kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn (Đoạn Cống Tư Hiếu)	T6/2022	15.00				37.50			
24	Sạt lở tuyến Kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn (Đoạn Hai Nồi)	T6/2022	9.00				22.50			
25	Sạt lở tuyến Kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn (Đoạn Thạch On)	T6/2022	26.00				65.00			
26	Sạt lở tuyến Kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn (Đoạn Huỳnh Thức)	T6/2022	38.00			1	95.00			
27	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ ông Tám Cụt)	T5/2022	18.0			1	30.6			
28	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Phan Thị Mận)	T5/2022	38.0			1	64.6			
29	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Sáu Xoài)	T5/2022	13.0			1	22.1			
30	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ trương Văn Năng)	T5/2022	14.0			1	23.8			
31	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Thanh Bình)	T5/2022	95.0			1	161.5	490	Khắc phục từ nguồn kinh phí hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi	
32	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Năm Nhàn)	T5/2022	20.0			1	34.0			
33	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Năm Phước)	T5/2022	15.0			1	25.5			
34	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Bảy Thắng)	T5/2022	8.0			1	13.6			

35	Sạt lở bờ sông Măng Thít, xã Xuân Hiệp (hộ Hai Xả)	T5/2022	30.0			1	51.0			
36	Sạt lở Kênh Trà Ngoa, xã Trà Côn (hộ Huỳnh Thức)	T6/2022	28.0			1	47.6			
37	Sạt lở tuyến Kênh Mới, xã Vĩnh Xuân (hộ Nguyễn Văn Tư)	T7/2022	20.0			1	34.0			
38	Sạt lở tuyến Kênh Mới, xã Vĩnh Xuân (hộ Văn Hồng Ánh)	T7/2022	25.0			1	42.5			
39	Sạt lở tuyến Kênh Tân Dinh, xã Vĩnh Xuân (hộ Phạm Minh Toàn)	T8/2022	15.0			1	25.5			
40	Sạt lở tuyến Kênh Tân Dinh, xã Vĩnh Xuân (hộ Nguyễn Thanh Sang)	T7/2022	20.0			1	34.0			
41	Sạt lở tuyến Sông Hậu, xã Phú Thành (Đầu Cồn Cong)	T7/2022	115.0				195.5			
42	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Tra, xã Thiện Mỹ (hộ Trần Văn Luyến)	T7/2022	16.0			1	27.2			
43	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Sung, xã Thiện Mỹ (Đập Ngọn Nghệ)	T8/2022	30.0				51.0			
44	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Tra, xã Thiện Mỹ (hộ Lê Thị Đào)	T7/2022	16.0			1	27.2			
45	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Tra, xã Thiện Mỹ (hộ Lê Văn Bé Hai)	T7/2022	19.0			1	32.3			
46	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Tra, xã Thiện Mỹ (hộ Nguyễn Văn Đạt)	T7/2022	75.0			1	127.5			
47	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Tra, xã Thiện Mỹ (hộ Trần Văn Mừng)	T7/2022	65.0			1	110.5			
48	Sạt lở tuyến Kênh Lái Tân, xã Hòa Bình (hộ Phạm Minh Huy)	T7/2022	50.0			1	85.0			
49	Sạt lở tuyến Kênh Lái Tân, xã Hòa Bình (hộ Nguyễn Văn Hai)	T7/2022	52.0			1	88.4			
50	Sạt lở tuyến Kênh Rach Tổng, xã Hòa Bình (hộ Nguyễn Văn Tư)	T7/2022	20.0			1	34.0			
51	Sạt lở tuyến Kênh Rạch Tổng, xã Hòa Bình (hộ Chín Phòe)	T7/2022	14.0			1	23.8			
52	Sạt lở tuyến Kênh Mương Điều, xã Tích Thiện (hộ Võ Văn Vũ Em)	T8/2022	15.0			1	25.5			
53	Sạt lở tuyến Kênh Mương Điều, xã Tích Thiện (hộ Nguyễn Văn Mười)	T8/2022	9.0			1	15.3			
54	Sạt lở tuyến Kênh Mương Điều, xã Tích Thiện (hộ Lê Quang Bảo)	T8/2022	12.0			1	20.4			
55	Sạt lở tuyến Kênh Mương Điều, xã Tích Thiện (hộNguyễn Thị Tám)	T8/2022	15.0			1	25.5			
56	Sạt lở tuyến Kênh Mương Điều, xã Tích Thiện (hộ Nguyễn Thị Tư)	T8/2022	8.0			1	13.6			
57	Sạt lở tuyến Sông Hậu, xã Tích Thiện (hộ Nguyễn Văn Bê)	T10/2022	18.0				9.0			
58	Sạt lở tuyến Sông Hậu, xã Tích Thiện (hộ Nguyễn Thị Bé Hai)	T10/2022	16.0				8.0			
59	Sạt lở tuyến Kênh Tân Dinh, xã Tích Thiện (hộ Đoàn Văn Hớn)	T10/2022	20.0				10.0			
60	Sạt lở tuyến Kênh Lý Nho, xã Nhơn Bình (hộ Phan Văn Thân)	T10/2022	50.0				25.0			
61	Sạt lở tuyến kênh Cái Cá (Đập Cây Gáo) xã Xuân Hiệp	T10/2022	11.0				5.5			
62	Sạt lở tuyến kênh Mương Khai (đoạn Ga gô-Hồi Lộc) xã Xuân Hiệp	T10/2022	10.0				5.0			
63	Sạt lở tuyến kênh Sông Măng (đoạn Hai Sua-Hồi Lộc) xã Xuân Hiệp	T10/2022	10.0				5.0			
64	Sạt lở tuyến kênh Bà Soi (đoạn Nguyễn Minh Thành) xã Xuân Hiệp	T10/2022	80.0				40.0			
65	Sạt lở tuyến kênh Quẹo (Đập 8 Chanh - Hồi Thọ) xã Xuân Hiệp	T10/2022	15.0				7.5			
66	Sạt lở tuyến kênh Bà Huề (Đập 10 Xậm - Hồi Tường) xã Xuân Hiệp	T10/2022	17.0				8.5			
67	Sạt lở tuyến bờ bao kênh Trà Côn ấp Tầm Vu xã Trà Côn	T10/2022	50.0				25.0			sạt lở do triều cường
68	Sạt lở tuyến bờ bao kênh La Gì ấp Vĩnh Trinh xã Vĩnh Xuân	T10/2022	25.0				12.5			
69	Sạt lở tuyến bờ bao Sông Măng, Cải Cá, Lý Nho xã Xuân Hiệp	T10/2022	80.0				40.0			
70	Sạt lở tuyến bờ bao Sông Hậu ấp Phú Lợi xã Phú Thành	T10/2022	25.0				12.5			

71	Sạt lở tuyến sông Măng Thít xã Xuân Hiệp (hộ Nguyễn Thị Tím)	T6/2022	120.0			1.0	60.0			
72	Sạt lở tuyến Kênh Cái Cá (đoạn 9 Sái) xã Xuân Hiệp	T7/2022	11.0			1.0	5.5			
73	Sạt lở tuyến Kênh Cái Cá (đoạn 5 Thành) xã Xuân Hiệp	T7/2022	20.0			1.0	10.0			
74	Sạt lở tuyến Kênh Cái Cá (đoạn 4 Gây) xã Xuân Hiệp	T7/2022	10.0			1.0	5.0			
75	Sạt lở tuyến Kênh Cái Cá (đoạn 2 Si) xã Xuân Hiệp	T7/2022	7.0			1.0	3.5			
76	Sạt lở tuyến Kênh Cái Cá (đoạn Nguyễn Thanh Bình) xã Xuân Hiệp	T7/2022	23.0			1.0	11.5			
77	Sạt lở tuyến Kênh Cái Cá (đoạn 2 Nguyên) xã Xuân Hiệp	T7/2022	14.0			1.0	7.0			
78	Sạt lở tuyến Kênh Xáng Xéo, ấp Long Thạnh xã Lục Sỹ Thành	27/12/2022	35.0	5		6.0	17.5			
V	**Huyện Mang Thít (03 điểm)**		**145.00**			**1.00**	**356.50**	-		
1	Sạt lở đê bao sông Măng, ấp Tân An, xã Chánh An (hộ Dương Ngọc Văn)	"11/7/2022	40.00	10.0	7	1	150.00			
2	Sạt lở đê bao sông Măng, ấp An Hội, xã Tân An Hội (Vàm Ngọc Sơn Quang)	"14/7/2022	70.00	6.0			119.00			
3	Sạt lở đê bao Sông Măng, ấp Thanh Phong, xã Tân Long Hội	"18/7/2022	35.00				87.50			
VI	**Huyện Vũng Liêm (08 điểm)**		**246.00**			**7**	**379.50**	-		
1	Sạt lở tuyến sông Vũng Liêm, ấp Trung Tin, thị trấn Vũng Liêm	"17/7/2022	40.00			4	234.50			
2	Sạt lở 02 đoạn đê bao Rạch Sâu ấp Quang Đức (đoạn Đỗ Thanh Linh, Lữ Thị Anh, Nguyễn Thanh Bình)	"08/10/2022	35.00			3	17.50			sạt lở do triều cường
3	Sạt lở 02 đoạn đê bao sông Vũng Liêm ấp Quang Đức (đoạn Phạm Văn Năm)	"08/10/2022	30.00				15.00			
4	Sạt lở mặt đập Hai Hôn ấp Hiệp Trường xã Quới An	"08/10/2022	7.00				17.50			
5	Sạt lở mặt đập Ba Lượng ấp Thống Lưu xã Thanh Bình	"08/10/2022	14.00				35.00			
6	Sạt lở đê bao Cồn Thanh Long ấp Phước lý Nhi xã Quới Thiện	10/27/2022	120.0				60.0			
VII	**Huyện Tam Bình (10 điểm)**		**348.00**			**28.00**	**148.00**	-		
1	Sạt lở bờ bao Đìa Thùng (đoạn 3 em) ấp Cây Bàng, xã Mỹ Thạnh Trung	"10/10/2022	50.00				6.00			sạt lở do triều cường
2	Sạt lở bờ bao Bàn Đồng (2 Leo) ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Thạnh Trung	"10/10/2022	20.00				3.00			
3	Sạt lở tuyến kênh Đại Thọ (đoạn ông Út Bự) ấp An Thạnh B, xã Bình Ninh	03/6/2022	30.0			4.0	15.0			
4	Sạt lở tuyến kênh Đại Thọ (đoạn ông Út Em) ấp An Thạnh B, xã Bình Ninh	03/6/2022	35.0			2.0	17.5			
5	Sạt lở tuyến kênh Đại Thọ (đoạn bà Tư) ấp An Hòa A, xã Bình Ninh	07/6/2022	25.0			3.0	12.5			
6	Sạt lở tuyến kênh Cái Sơn Lớn (đoạn Huỳnh Văn Nghĩa) ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Thạnh Trung	15/6/2022	48.0			4.0	24.0			
7	Sạt lở tuyến kênh 2 bên Sông Ngãi Tứ (đoạn Huỳnh Thị Xuyên) ấp Ngã Cái, xã Ngãi Tứ	13/6/2022	40.0			5.0	20.0			
8	Sạt lở tuyến kênh 2 bên Sông Ngãi Tứ (đoạn Nguyễn Thanh Hoàng) ấp Đông Phú xã Ngãi Tứ	13/6/2022	15.0			3.0	7.5			
9	Sạt lở đoạn vai Đập 9 bọng, ấp 9 xã Hòa Hiệp	13/6/2022	40.0			4.0	20.0			
10	Sạt lở đoạn vai Đập bầu vòi, ấp 4 xã Hậu Lộc	19/6/2022	45.0			3.0	22.5			
VIII	**Thành phố Vĩnh Long (03 điểm)**		**41.00**				**20.50**	-		
1	Sạt lở đê bao cặp sông Tiền, xã Tân Hòa	"10/10/2022	9.00				4.50			

2	Sạt lở bờ bao thuộc khóm Tân Quới Hưng, phường Trường An	"10/10/2022	20.00				10.00			sạt lở do triều cường
3	Sạt lở bờ bao (đập 9 đóm) phường Tân Ngãi	"10/10/2022	12.00				6.00			

Người lập bảng biểu

Võ Duy Minh

Phụ lục 3 :

TÌNH HÌNH THU QUỸ PCTT NĂM 2022 TỈNH VĨNH LONG

TT	Huyện, thị, TP	Kế hoạch (Tr.đồng)				Tổng số thu (Tr. đồng)				Tỉ lệ so KH (%)			
		L.động khác	Doanh nghiệp	CB CC,VC	Tổng số	L.động khác	Doanh nghiệp	CB CC,VC	Tổng số	L.động khác	D. nghiệp	CB CC,VC	Tổng số
	Tổng số	**2,388.21**	**7,141.30**	**968.17**	**10,497.67**	**2,552.34**	**5,248.98**	**1,112.09**	**8,913.42**	**106.87**	**73.50**	**114.87**	**84.91**
1	Thành phố Vĩnh Long	216.38	993.92	66.27	1,276.57	277.43	439.01	73.66	790.11	128.21	44.17	111.16	61.89
2	Thị xã Bình Minh	192.73	113.59	65.11	371.43	195.25	14.52	79.21	288.98	101.31	12.78	121.66	77.80
3	Huyện Vũng Liêm	433.00	265.44	88.22	786.67	428.66		183.80	612.46	99.00	-	208.34	77.85
4	Huyện Tam Bình	309.62	246.84	93.36	649.81	337.77	20.14	111.95	469.86	109.09	8.16	119.91	72.31
5	Huyện Mang Thít	238.88	157.76	84.06	480.70	248.18	7.32	76.10	331.59	103.89	4.64	90.53	68.98
6	Huyện Trà Ôn	280.43	166.60	107.89	554.92	308.85	23.85	108.86	441.56	110.14	14.32	100.90	79.57
7	Huyện Bình Tân	236.27	108.45	62.36	407.08	245.37	31.83	61.50	338.71	103.85	29.35	98.63	83.20
8	Huyện Long Hồ	480.89	1,081.39	86.18	1,648.46	510.83	210.97	96.46	818.25	106.23	19.51	111.92	49.64
9	Các Sở, ban ngành tỉnh, cơ quan TW đóng trên địa bàn tỉnh			314.73	314.73			320.56	320.56			101.85	101.85
10	Cục thuế tỉnh		4,007.30		4,007.30		4,501.35		4,501.35		112.33		112.33

Lập bảng

Võ Duy Minh